

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6703 /BNV-CVL
V/v đẩy mạnh công tác tuyên
truyền chính sách cho vay
giải quyết việc làm

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Chính sách xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 263/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và khóa XV về giám sát chuyên đề và chất vấn, nhằm nâng cao hiệu quả chính sách cho vay giải quyết việc làm qua Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Nội vụ đề nghị quý Cơ quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo các Sở, ngành, cơ quan liên quan đổi mới toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, người lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh về vai trò, ý nghĩa, lợi ích và giá trị nhân văn của chính sách (*Tài liệu về nội dung, đối tượng, hình thức tuyên truyền tại Phụ lục đính kèm*).

2. Quan tâm bố trí nguồn kinh phí thực hiện tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm bằng các hình thức đa dạng, phong phú, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn, hướng tới các đối tượng thụ hưởng chính sách làm trung tâm, nhất là các đối tượng yếu thế, đối tượng chính sách.

3. Thường xuyên đánh giá kết quả tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm; chủ động, kịp thời nhân rộng, biểu dương những cách làm hay, mô hình hiệu quả trong tuyên truyền chính sách.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CVL.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Khương



TÀI LIỆU

Nội dung, đối tượng, hình thức tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm

(Kèm theo Công văn số 6703/BNV-CVL ngày 29 /6/2026 của Bộ Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU TUYÊN TRUYỀN

1. Mục đích

- Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm (bao gồm cho vay hỗ trợ tạo, duy trì, mở rộng việc làm và cho vay hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả; nâng cao nhận thức của cán bộ, người lao động và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa, lợi ích và giá trị nhân văn của chính sách cho vay giải quyết việc làm trong hệ thống an sinh xã hội quốc gia.

- Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện; khuyến khích người dân chủ động tìm hiểu, tham gia và thụ hưởng quyền lợi chính sách cho vay giải quyết việc làm; kết hợp hài hòa giữa tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở với truyền thông hiện đại, truyền thông số, mạng xã hội và các nền tảng số, bảo đảm thông tin chính thống, kịp thời, dễ tiếp cận.

2. Yêu cầu

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về cho vay giải quyết việc làm là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể các cấp cũng như mỗi cán bộ và người dân.

- Công tác tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm phải được tiến hành chủ động, thường xuyên, liên tục, kịp thời, góp phần lan tỏa, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đơn vị, tổ chức, cá nhân; triển khai thống nhất và đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành; gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

- Nội dung tuyên truyền phải đầy đủ, chính xác, dễ hiểu; hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa vùng, miền; tăng cường các mô hình truyền thông đa nền tảng, tuyên truyền theo nhóm đặc thù; bảo đảm mọi thông tin cung cấp tới người dân kịp thời, minh bạch.

- Hoạt động tuyên truyền cho vay giải quyết việc làm phải lấy đối tượng được tuyên truyền làm trung tâm, tập trung vào nhóm lao động khu vực phi chính thức, lao động nông thôn, lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và các nhóm có việc làm, thu nhập không ổn định; gắn tuyên truyền với tư vấn, hỗ trợ, giải đáp chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để người dân được hưởng chính sách cho vay giải quyết việc làm.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

Nội dung tuyên truyền về chính sách cho vay giải quyết việc làm phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảm bảo phải làm rõ vai trò, ý nghĩa, giá trị nhân văn và tính ưu việt của chính sách, khẳng định vai trò của chính sách trong hệ thống an sinh xã hội quốc gia.

1. Về chính sách cho vay giải quyết việc làm

1.1. Về mục đích, nguồn vốn cho vay

- Mục đích: Nhà nước thực hiện tín dụng chính sách để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội từ nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm.

- Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm, gồm:

- + Ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội;
- + Ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội;
- + Nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý;
- + Nguồn vốn tổ chức, cá nhân ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.2. Chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm

1.2.1. Đối tượng vay vốn

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh*);

- Người lao động.

Trong đó, đối tượng được ưu tiên vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm với mức lãi suất thấp hơn bao gồm:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo;

- Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ;

- Người lao động là người khuyết tật; người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng; người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng;

- Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.

* Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các đối tượng khác được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn ngoài các đối tượng ưu tiên nêu trên.

1.2.2. Điều kiện vay vốn

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh:

+ Có phương án sử dụng vốn vay khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm;

+ Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

- Đối với người lao động:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Có phương án sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

1.2.3. Mức vay

- Mức vay tối đa:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

+ Đối với người lao động, mức vay tối đa là 200 triệu đồng.

* Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay tối đa cao hơn mức vay nêu trên đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Mức vay cụ thể: Căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể.

1.2.4. Thời hạn vay vốn

- Thời hạn vay vốn tối đa là 120 tháng.

- Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

1.2.5. Lãi suất vay vốn

- Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Đối với đối tượng ưu tiên: lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn.

1.2.6. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay cao hơn mức vay nêu trên đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.2.7. Hồ sơ vay vốn

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Phương án sử dụng vốn vay theo mẫu do Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành (*Mẫu số 02/GQVL kèm theo Hướng dẫn số 11055/HD-NHCS ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng Chính sách Xã hội Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm*).

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn, bao gồm:

+ Danh sách người lao động của cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, trong đó ghi rõ người lao động thuộc các trường hợp: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên: Giấy xác nhận khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc hoặc bản chụp thông tin về dân tộc tại tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đối với người lao động là người dân tộc thiểu số; Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù đối với người lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm đối với mức vay trên 200 triệu đồng.

b) Đối với người lao động

- Phương án sử dụng vốn vay theo mẫu do Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành (*Mẫu số 02/GQVL kèm theo Hướng dẫn số 11055/HD-NHCS ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng Chính sách Xã hội Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm*).

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc, cư trú và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo đối với người lao động thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về dân tộc, cư trú của người lao động theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

+ Giấy xác nhận khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật;

+ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng người khuyết tật đặc biệt nặng; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về thành viên hộ gia đình, cư trú đối với người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về thành viên hộ gia đình, cư trú theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng đối với người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.

1.2.8. Thủ tục giải quyết vay vốn, xử lý nợ bị rủi ro

- Đối tượng vay vốn có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm nộp hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt cho vay. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn chi tiết về hồ sơ vay vốn, thủ tục cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đảm bảo thuận lợi, linh hoạt.

- Việc xử lý nợ bị rủi ro đối với khoản vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm thực hiện theo quy định về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.3. Chính sách cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1.3.1. Đối tượng vay vốn

- Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trong đó, đối tượng được ưu tiên vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với mức lãi suất thấp hơn bao gồm:

- Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo;

- Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ;

- Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.

* Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các đối tượng khác được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn ngoài các đối tượng nêu trên.

1.3.2. Điều kiện vay vốn

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật.

1.3.3. Mức vay

- Mức vay tối đa: 100% tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Chương VI Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

- Mức vay cụ thể: Căn cứ vào nguồn vốn, tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ kê khai tại hồ sơ vay vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể.

1.3.4. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, người lao động vay vốn phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay cao hơn mức vay nêu trên đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.3.5. Thời hạn vay vốn

Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

1.3.6. Lãi suất vay vốn

- Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.
- Đối với đối tượng ưu tiên: lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn.

1.3.7. Hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu do Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành (*Mẫu số 01/LĐNN kèm theo Hướng dẫn số 11068/HD-NHCS ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng Chính sách xã hội Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*).

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng vay vốn với mức lãi suất thấp hơn theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15 (nếu có) bao gồm bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của các loại giấy tờ sau:

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc, cư trú. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về dân tộc, cư trú của người lao động theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.

- Các giấy tờ có liên quan đến tài sản bảo đảm đối với mức vay trên 200 triệu đồng.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại thời điểm nộp hồ sơ (nếu có).

1.3.8. Thủ tục giải quyết vay vốn, xử lý nợ bị rủi ro

- Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nộp hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt cho vay. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn chi tiết về hồ sơ vay vốn, thủ tục cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đảm bảo thuận lợi, linh hoạt.

- Việc xử lý nợ bị rủi ro đối với khoản vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực hiện theo quy định về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Về tổ chức thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm

Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ quan, đơn vị, đề nghị tập trung tuyên truyền việc tổ chức thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm tập trung vào một số nội dung chính như sau:

- Việc tổ chức thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội từ Trung ương tới tỉnh, xã, địa bàn.

- Các mô hình, điển hình cho vay hỗ trợ tạo, duy trì, mở rộng việc làm hiệu quả, cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần giải quyết nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội.

- Tuyên truyền về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của đối tượng tham gia, thụ hưởng chính sách.

- Tuyên truyền về vai trò, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác từ Ngân hàng Chính sách xã hội trong tổ chức thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm.

III. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Đối với cấp uỷ Đảng, chính quyền và Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp

- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố thường xuyên báo cáo, tham mưu cấp uỷ, chính quyền về tình hình thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm việc làm, trong đó có công tác tuyên truyền; từ đó chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn.

- Tập huấn, tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm cho đội ngũ cán bộ xã/phường, hội đoàn thể, trưởng thôn/bản, tổ trưởng tổ dân phố; lồng ghép thông qua các hội nghị, hội thảo, giao ban định kỳ của cấp uỷ, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm.

- Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp báo cáo, phối hợp với Sở Nội vụ, Mặt trận tổ quốc các cấp, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội định hướng thông tin tuyên truyền chính sách cho vay giải quyết việc làm tới cán bộ thực hiện và các đối tượng thụ hưởng chính sách.

2. Đối với đối tượng tham gia, thụ hưởng chính sách cho vay giải quyết việc làm

2.1. Đối tượng vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm

- Về nội dung: chú trọng tuyên truyền vai trò, ý nghĩa, giá trị nhân văn của chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; nhấn mạnh quyền lợi thiết thực khi tham gia. Tăng cường tuyên truyền các quy định của pháp luật về đối tượng; trách nhiệm quyền lợi của người lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh. Những nỗ lực, giải pháp, sáng kiến, mô hình hiệu quả và kết quả nổi bật của Ngân hàng Chính sách xã hội trong bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, thụ hưởng chính sách.

- Về hình thức:

- + Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, đối thoại, tư vấn trực tiếp với người lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh;

+ Duy trì thường xuyên việc tuyên truyền qua hệ thống Tổng đài, email, Zalo OA, Fanpage Facebook và các kênh tiếp nhận, hỗ trợ khác của Ngân hàng Chính sách xã hội; hệ thống Hotline của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

+ Phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp xã để tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng; áp dụng phương pháp “hiệu ứng đám đông” bằng cách chia thành các nhóm nhỏ, tăng tương tác và mức độ lan tỏa.

+ Tổ chức Lễ ra quân, diễu hành, tuyên truyền lưu động, thiết lập gian hàng tư vấn tại các khu dân cư, chợ, trung tâm thương mại.

+ Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh cơ sở và trên cổng thông tin điện tử, các kênh truyền thông mạng xã hội.

+ Tuyên truyền trực quan: thông qua tờ rơi, tờ gấp, mã QR code, video clip.

+ Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của hội, đoàn thể; các mô hình, nhân vật thực tế; các hình thức sân khấu hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa, lối sống cũng như phong tục, tập quán của từng vùng, miền.

+ Các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với nhóm đối tượng này, nhất là sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở từng vùng, miền.

2.2. Đối tượng vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Về nội dung: tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa, vai trò, lợi ích và tính nhân văn của chính sách cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tập trung tuyên truyền, phổ biến những điểm mới của Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và các quy định mở rộng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn của chính sách; các quy định về đối tượng tham gia; lựa chọn, giới thiệu các ví dụ “người thật, việc thật”, nhất là các trường hợp đã được hưởng chính sách để tạo niềm tin, khuyến khích người dân tham gia.

- Về hình thức:

+ Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, đối thoại, tư vấn trực tiếp theo các nhóm đối tượng tại cơ sở.

+ Phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp xã để tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng; áp dụng phương pháp “hiệu ứng đám đông” bằng cách chia thành các nhóm nhỏ, tăng tương tác và mức độ lan tỏa.

+ Tổ chức Lễ ra quân, diễu hành, tuyên truyền lưu động, thiết lập gian hàng tư vấn tại các khu dân cư, chợ, trung tâm thương mại.

+ Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh cơ sở và trên cổng thông tin điện tử, các kênh truyền thông mạng xã hội.

+ Tuyên truyền trực quan: thông qua tờ rơi, tờ gấp, mã QR code, video clip.

+ Tổ chức tuyên truyền theo chiến dịch; tuyên truyền lưu động; các “điểm truyền thông cộng đồng” tại các khu chợ, tuyến phố kinh doanh, khu làng nghề, tổ dân phố, khu vực dịch vụ - thương mại.

+ Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của hội, đoàn thể; các mô hình, nhân vật thực tế; các hình thức sân khấu hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa, lối sống cũng như phong tục, tập quán của từng vùng, miền.

+ Các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với nhóm đối tượng này, nhất là sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở từng vùng, miền.

2.3. Đối với người có uy tín là già làng, trưởng bản, người có uy tín đối với sự phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Về nội dung: tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa, vai trò, lợi ích và tính nhân văn của chính sách cho vay giải quyết việc làm. Tập trung tuyên truyền, phổ biến những điểm mới của Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và các quy định mở rộng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn của chính sách; các quy định về đối tượng tham gia; lựa chọn, giới thiệu các ví dụ “người thật, việc thật”, nhất là các trường hợp đã được hưởng chính sách để tạo niềm tin, khuyến khích người dân tham gia.

- Về hình thức:

+ Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, đối thoại, tư vấn trực tiếp theo các nhóm đối tượng tại cơ sở.

+ Phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp xã để tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng; áp dụng phương pháp “hiệu ứng đám đông” bằng cách chia thành các nhóm nhỏ, tăng tương tác và mức độ lan tỏa.

+ Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh cơ sở và trên cổng thông tin điện tử, các kênh truyền thông mạng xã hội.

+ Tuyên truyền trực quan: thông qua tờ rơi, tờ gấp, mã QR code, video clip.

+ Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của hội, đoàn thể; các mô hình, nhân vật thực tế; các hình thức sân khấu hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa, lối sống cũng như phong tục, tập quán của từng vùng, miền.

+ Các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với nhóm đối tượng này, nhất là sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở từng vùng, miền.

2.4. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác cho vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội

- Nội dung:

+ Cập nhật các thông tin mới về chính sách cho vay giải quyết việc làm, vai trò, ý nghĩa, lợi ích, quyền lợi, trách nhiệm, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, địa phương đối với chính sách cho vay giải quyết việc làm. Chú trọng trang bị kỹ năng tuyên truyền, tư vấn, giải đáp; tăng cường khả năng phản biện, đấu tranh với

thông tin sai lệch; kịp thời phản ánh vướng mắc, kiến nghị từ cơ sở, góp phần tổ chức thực hiện chính sách hiệu quả, bền vững.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm và vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm tại cơ sở. Phát huy vai trò dẫn dắt, nêu gương, tuyên truyền, vận động trực tiếp trong cộng đồng dân cư; coi đây là lực lượng chủ lực trong việc lan tỏa chính sách, định hướng hành vi và tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện chính sách.

- Về hình thức:

+ Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tuyên truyền, đối thoại, tư vấn; các hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác phối hợp thực hiện chính sách.

+ Tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến chính sách, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về cho vay hỗ trợ tạo việc làm và cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Tuyên truyền trực quan: thông qua tờ rơi, tờ gấp. Chú trọng biên tập các sản phẩm tuyên truyền với nội dung, hình thức phù hợp với đặc thù đối tượng, văn hóa vùng miền và được dịch ra tiếng dân tộc.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở; tuyên truyền trên môi trường Internet, mạng xã hội.

+ Các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với nhóm đối tượng này, nhất là sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở từng vùng, miền./.